TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÁ THƯỚC
TỈNH THANH HÓA
Số: 99 /2019/QĐST-HNGĐ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bá Thước, ngày 23 tháng 8 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 99/2019/TLST/ HNGĐ ngày 09 tháng 8 năm 2019 giữa:

Nguyên đơn: Anh Lương Văn S; Sinh năm: 1986

Nơi cư trú: Thôn L, xã C L, huyện BT, tỉnh Thanh Hóa.

Bị đơn: Chị Trương Thị H; Sinh năm: 1997

Nơi cư trú: Thôn M, xã LX, huyện BT, tỉnh Thanh Hóa.

Căn cứ vào điều 212, 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào điều 55, 58, 81,82, 83 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 15 tháng 8 năm 2019.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi nhận trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 15 tháng 8 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Anh Lương Văn S và chị Trương Thị H.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về hôn nhân: Anh Lương Văn S và chị Trương Thị H đều tự nguyện thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Anh Lương Văn S và chị Trương Thị H có 01 con chung là cháu Lương Xuân S, sinh ngày 20/5/2014. Anh Lương Văn S và chị Trương Thị H tự nguyện thỏa thuận sau khi ly hôn anh S trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Lương Xuân S cho đến tuổi thành niên. Chị H cấp dưỡng nuôi con chung

700.000đ (Bảy trăm nghìn đồng) một tháng, kể từ tháng 01 năm 2020 đến khi cháu S đủ 18 tuổi.

Chị Trương Thị Hi có quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở.

- Về tài sản chung: Anh Lương Văn S và chị Trương Thị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Anh Lương Văn S và chị Trương Thị H thống nhất không có nợ chung.

- Về án phí: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 BLTTDS năm 2015; Điểm a khoản 5, điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Anh Lương Văn S và chị Trương Thị H tự nguyện thỏa thuận: Anh Lương Văn S chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm là 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) và 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí ly hôn sơ thẩm anh đã nộp 300.000đ tại biên lai thu số: AA/2018/0005116 ngày 08/8/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bá Thước.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,7a và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án đước thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND;
- .....;
- UBND xã C;
- Lưu Hs.

THẨM PHÁN

Trương Văn Sửng